

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẨM MỸ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 14/8/2020

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ**

**Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tùng
- Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Ông Lê Văn Bình
  2. Ông Phạm Văn Thành

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Thái Thị Vân – Thư ký Tòa án.

Đại diện VKSND huyện Cẩm Mỹ: Ông Dương Văn Khánh – Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ xét xử sơ thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số: 169/2020/TLST–HNGĐ ngày 05/5/2020 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T - Sinh năm 1990  
HKTT: ấp 1, xã XQ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.  
Chỗ ở hiện nay: ấp 4, xã ST, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C - Sinh năm 1987  
Địa chỉ: ấp 1, xã XQ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.  
(Các đương sự vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2020, bản tự khai và các lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, kết hôn vào năm 2011 tại UBND TT TB, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau trong thời gian đầu sống chung với bố mẹ chồng, cãi nhau giữa con dâu và nhà chồng nên chị T đã bỏ về sống cùng mẹ ruột ở TB, anh C có lên gặp chị T hàn gắn và hai vợ chồng sống chung với nhau có được hai người con. Sau khi có con, anh C không chăm lo làm ăn, ham chơi bài bạc dẫn đến nợ nần, chị T đã phải trả nợ cho anh C nhiều lần. Khi biết chị T nộp đơn ra Tòa án, anh C đã nhiều lần tìm đến nhà chị T gây chuyện, đập phá cửa kính, đánh đập chị T đến thâm tím mặt mày. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục

đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Anh chị có 02 người con chung là các cháu Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/9/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 25/01/2013. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung mà không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu (pho to – chứng thực), trích lục khai sinh, giấy chứng nhận kết hôn (bản chính), bản tự khai và đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt.

\* Bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc nên không có lời trình bày.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn giao nộp: Không có.

Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Biên bản xác minh nơi cư trú của bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự. Chủ tọa phiên tòa công bố đơn của đương sự, tóm tắt nội dung vụ án, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử thảo luận những nội dung cần giải quyết trong vụ án.

\* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên Tòa:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký tiến hành đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì thêm.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh C, giao hai cháu Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/9/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 25/01/2013 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét, giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh C hiện đăng ký hộ khẩu tại xã XQ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Như vậy, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ theo Điều 35 BLTTDS.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị T là nguyên đơn, anh C là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng như quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh C. Ngày 30/7/2020 Tòa án đưa vụ án ra xét xử nhưng phải hoãn phiên tòa do anh C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất, chị T có đơn xin xét

xử vắng mặt. Căn cứ theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp.

[4] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại UBND TT TB, huyện TB, tỉnh Đồng Nai vào ngày 18/3/2011 nên được xem là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo lời trình bày của chị T, cuộc sống hôn nhân của anh chị không hạnh phúc, nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, anh C không tu chí làm ăn, ham chơi bài bạc dẫn đến nợ nần, làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình và tình cảm vợ chồng, chị T đã nhiều lần gồng gánh trả nợ cho anh C, tuy nhiên anh C vẫn không thấy được sai lầm của bản thân dẫn đến gia đình đổ vỡ, anh chị sống sống ly thân nhau. Trong thời gian sống ly thân, anh C tiếp tục đến nhà chị T gây chuyện, chửi bới đánh đập chị. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh C không đến Tòa án làm việc chứng tỏ anh không mong muốn hàn gắn cuộc hôn nhân với chị T. Ngoài ra theo lời khai của bà Thị Đ là mẹ ruột của anh C cho rằng giữa vợ chồng anh C, chị T có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi nhau, chị T bỏ về nhà mẹ ruột sống, anh C về sống cùng, tuy nhiên gia đình bên vợ đối xử tệ bạc với anh C, thời gian gần đây anh C hay uống rượu về say xỉn thì vợ chồng cãi nhau, anh C đã không sống cùng với vợ con mà về sống chung với bà.

Như vậy, có thể thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần cho chị T ly hôn với anh C là phù hợp.

Về con chung: Chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/9/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 25/01/2013. Xét yêu cầu của chị T nhận thấy, từ khi sinh ra tới nay cháu K và cháu H đều sinh sống cùng với mẹ, chị T có công việc, có thu nhập và chỗ ở ổn định, hai cháu K và H cũng có nguyện vọng được ở cùng với mẹ. Trong thời gian chị T và anh C sống ly thân anh C không chu cấp tiền bạc cho chị T nuôi con và trong quá trình Tòa án giải quyết ly hôn anh C không đến Tòa án làm việc, như vậy cần giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[7] Về ý kiến và quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội Đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Điều 28, 35, 39, 147 và 273 của Bộ luật TTDS;

Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 131 của Luật HNGĐ năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Chị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu Nguyễn Hoàng Tuấn K, sinh ngày 01/9/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Gia H, sinh ngày 25/01/2013.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T, anh C vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh C có quyền đến thăm con không ai được ngăn cản. Khi cần thiết các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét.

5. Về án phí: Chị T nộp 300.000 đồng án phí LHST, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị T đã nộp tại biên lai số 0001793 ngày 04/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai. Chị T đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự
- TAND T.Đồng Nai;
- VKSND H. Cẩm Mỹ;
- THADS H. Cẩm Mỹ;
- UBND TT Trảng Bom,
- Huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Tùng**